

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HS-ST
Ngày 10 - 8 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Thị Hải và bà Ksor H'Qua.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 18/2023/HSST ngày 12 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Kpã T, sinh năm 1991 tại huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi cư trú: Buôn T, xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Dân tộc: Jrai; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ksor V (đã chết) và bà Kpã H'Ng; có vợ và 04 con, con nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 59/HSST ngày 30/10/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ N tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 22/4/2020, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa nộp án phí hình sự, dân sự sơ thẩm, chưa chấp hành phần dân sự của bản án này.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 03/3/2023 chuyển sang tạm giam ngày 06/3/2023 và tạm giam liên tục cho đến nay, hiện có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Bùi Văn Thắng – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Người phiên dịch tiếng Jrai: Anh Nay Dăm Truy, sinh năm 1986. Có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 02/01/2015, Kpã T đến nhà ông Nguyễn Trung L, sinh năm 1969, trú tại Thôn H, xã P, huyện K hỏi xin làm thuê và ở lại nhà ông L thì được ông L đồng ý. Khoảng 10 giờ ngày 03/01/2015, bà Nguyễn Thị H, là vợ ông L đi từ H về nhà mới gặp và biết Kpã T. Vào khoảng 19 giờ cùng ngày, Kpã T ăn cơm cùng với vợ chồng ông L, sau đó ông L đi công việc, chỉ còn Kpã T và bà H ở nhà. Kpã T nhìn thấy trên cổ bà H có đeo sợi dây chuyền bằng vàng nên nảy sinh ý định cướp sợi dây chuyền này để bán lấy tiền tiêu xài. Lợi dụng lúc bà H đang ngồi xỏm dọn dẹp mâm cơm, Kpã T đi vòng ra phía sau lưng, ngồi xổm xuống, hai đầu gối kẹp chặt hai tay bên hông bà H, đồng thời hai lòng bàn tay bịt miệng bà H, không cho bà H la, Kpã T nói “bà im, đừng la hét”. Bà H dùng tay kéo tay Kpã T ra khỏi miệng nhưng không được. Hai bên giằng co được 01 phút thì lúc này có ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1973, ở gần nhà bà H và anh Nguyễn Văn V là bạn của ông N, đi qua nhà bà H chơi, Kpã T nhìn thấy từ xa nên buông tay ra khỏi bà H, chạy trốn. Bà H kiểm tra trên cổ thì phát hiện bị mất sợi dây chuyền vàng. Tuy nhiên bị cáo Kpã T cho rằng mình chưa giật được sợi dây chuyền của bà H.

Tại bản kết luận định giá số 02/KL-HĐĐG ngày 22/01/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K xác định: 01 sợi dây chuyền bằng kim loại vàng, hình dạng xích, loại vàng 24k, trọng lượng 05 chỉ, tại thời điểm chiếm đoạt có giá là 13.900.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 19/CT - VKS ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Kpã T về tội “Cướp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại có mặt tại phiên tòa, có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Kpã T về tội “Cướp tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX):

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

Quan điểm bào chữa của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ. Còn về hình phạt thì đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo

không quá mức hình phạt thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện K, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 19 giờ ngày 03/01/2015, bị cáo Kpã T có ý định cướp giật sợi dây chuyền của bà Nguyễn Thị H đang đeo ở cổ nên lợi dụng lúc bà H không để ý, đã đi vòng ra sau lưng bà H đang ngồi dùng hai chân kẹp giữ chặt người bà H, dùng hai tay bịt miệng bà H, đe dọa bà H làm cho bà H không chống cự được để nhằm cướp lấy sợi dây chuyền trị giá 13.900.000 đồng rồi bỏ trốn khỏi địa phương.

Như vậy, hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm chiếm đoạt tài sản của bị cáo T đã thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội “Cướp tài sản”. Hành vi phạm tội của bị cáo rõ ràng là có lỗi và sai trái với đường lối, chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta, nay phải chịu trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý đã gây ra là có căn cứ pháp lý.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung của bản cáo trạng, lời khai của bị hại và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Kpã T phạm vào tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 của BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo về hành vi theo tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo T dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực để cướp tài sản đã vi phạm tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 168 của BLHS nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 168 của BLHS là phù hợp.

[4] Về tính chất, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, và hình phạt:

Bị cáo Kpã T là người bình thường, có đủ năng lực để nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng muốn hưởng lợi bất chính nên đã trực tiếp dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của công dân. Nay cần xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để cá thể hóa hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là điều cần thiết.

Trong vụ án này bị cáo T là người chủ mưu, khởi xướng và cũng là người thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại nên phải chịu toàn bộ trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng có nhân thân xấu, Tại bản án số 59/HSST ngày 30/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ N tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 22/4/2020, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa nộp án phí hình sự, dân sự sơ thẩm, chưa chấp hành phần dân sự của bản án này. Nhưng trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thì bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS được áp dụng cho bị cáo.

Bên cạnh đó bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, có nhận thức về pháp luật, xã hội còn hạn chế, sinh sống ở vùng có điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo ra đầu thú, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS được áp dụng cho bị cáo.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho bị cáo và đại diện Viện kiểm sát thì HĐXX thấy bị cáo Thới có nhân thân xấu, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do đó cần phải xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng xã hội một thời gian nhất định. Nhưng vẫn đảm bảo tính giáo dục, cải tạo, trừng trị nói riêng đối với bị cáo, tính răn đe phòng ngừa chung cho xã hội tại địa phương.

Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt là có căn cứ và phù hợp pháp luật và người bào chữa cũng có quan điểm đồng ý với luận tội nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại bà H là sợi dây chuyền vàng trị giá 13.900.000 đồng thì tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thể hiện ý trí tự nguyện của bị hại nên HĐXX không xem xét đến.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Do bị cáo không có nghề nghiệp chính mà sống làm nông phụ giúp gia đình. Bản thân không có tài sản riêng gì cho nên HĐXX quyết định không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về án phí:

Bị cáo là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh kinh tế khó khăn cư trú tại xã I, huyện K, tỉnh Gia Lai là xã đặc biệt khó khăn của huyện K theo quy định của Chính phủ, đồng thời bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ vào Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

HĐXX quyết định miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Kpã T phạm tội “*Cướp tài sản*”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Kpã T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 03 tháng 3 năm 2023.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Kpã T.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/8/2023) để yêu cầu Toà án Nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Krông Pa;
- Công an h. Krông Pa;
- Bị cáo; Bị hại;
- Chi cục THADS h. Krông Pa;
- Lưu HS, THA hình sự, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn